

# NGHIÊN CỨU YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH SỰ THÀNH CÔNG CỦA KHỞI NGHIỆP TẠI ĐÀ NẴNG

## EXAMINING FACTORS AFFECTING ENTREPRENEURIAL SUCCESS IN DANANG CITY

Nguyễn Phúc Nguyên<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Như Ý<sup>2</sup>, Đinh Nguyễn Khánh Phương<sup>3</sup>, Bùi Trần Huân<sup>4</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng; nguyennp@due.edu.vn

<sup>2</sup>Công ty cổ phần Cơ điện Miền Trung; nhuynt268@gmail.com

<sup>3</sup>Trường Đại học Công nghệ Thông tin & Truyền thông Việt-Hàn - Đại học Đà Nẵng; dnkphuong@vku.udn.vn

<sup>4</sup>Đại học Đà Nẵng; bthuan@sict.udn.vn

**Tóm tắt** - Nghiên cứu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của khởi nghiệp tại Đà Nẵng trên cả ba khía cạnh cá nhân, tổ chức và môi trường bên ngoài bao gồm sáu nhân tố: Kinh nghiệm; Nguồn vốn mối quan hệ xã hội; Vị trí kinh doanh; Nguồn vốn nhân lực của tổ chức; Môi trường ngành và Sự hỗ trợ từ bên ngoài. Nghiên cứu thu thập số liệu từ chủ sở hữu doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ kinh tế cá thể tại Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu chứng minh sự tác động của Kinh nghiệm, Trình độ học vấn, Nguồn vốn mối quan hệ xã hội, Vị trí và Sự hỗ trợ từ bên ngoài đến sự thành công của khởi nghiệp. Nghiên cứu cũng đưa ra ý nghĩa về mặt khoa học, thực tiễn và khuyến nghị về chính sách cho giai đoạn trước và trong khởi nghiệp.

**Từ khóa** - Khởi nghiệp; sự thành công; doanh nhân; tổ chức khởi nghiệp; Đà Nẵng.

### 1. Đặt vấn đề

Các hình mẫu về doanh nhân thành đạt như Steve Jobs, Bill Gates và Mark Zuckerberg đã tạo động lực mạnh mẽ cho tinh thần khởi nghiệp phát triển trên toàn cầu. Đáng chú ý, trong 03 năm liên tục, từ 2016 đến 2018, Việt Nam có số doanh nghiệp thành lập mới tăng trên 100 nghìn doanh nghiệp/năm. Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ đã được ban hành năm 2017 [1] và Nghị định 39/2018/NĐ-CP [2] hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ là minh chứng cho cơ chế hỗ trợ của Chính phủ đối với một bộ phận kinh tế “xương sống” của quốc gia. Bên cạnh đó, các trung tâm khởi nghiệp được phát triển ở ba miền đất nước, trong đó DNES, vườn ươm tại Đà Nẵng, đã hỗ trợ hơn 30 nhà sáng lập khởi nghiệp kể từ 2016. Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp thực tế giải thể, ngừng hoạt động tăng 22,3% so với năm 2017 [3]. Trong số này có đến 52,946 doanh nghiệp (chiếm gần 50%) có tuổi đời dưới 03 năm. Đa số các doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là các doanh nghiệp quy mô nhỏ với vốn dưới 10 tỷ đồng.

Các nghiên cứu cho thấy, các yếu tố tác động đến sự thành công từ hai góc độ: Tác động riêng biệt của từng nhóm yếu tố và tác động tích hợp của các nhóm yếu tố. Nhóm yếu tố cá nhân như đặc điểm nhân khẩu học, đặc điểm của người khởi nghiệp nhận được sự chú ý nhiều từ các nhà khoa học (Baran [4]; Sarwoko [5]; Mook [6]; Tanveer [7], Emeric [8]). Sự tác động từ tổ chức khởi nghiệp (nguồn lực, chiến lược phát triển, văn hóa công ty, cấu trúc tổ chức) có ảnh hưởng đáng kể đến công ty khởi nghiệp (Sarwoko [5]; Emeric [8]; Zhou [9]). Môi trường bên ngoài sẽ là bệ đỡ cho các công ty khởi nghiệp thông qua các định chế tài chính, hỗ trợ của chính quyền địa phương, các chính sách nhà nước (Emeric [8]; Georgia Mylona [10]; Phạm Thị Thu Giang [11]). Mặt khác,

**Abstract** - The paper investigates factors that affect the success of a startup in Da Nang on three aspects: entrepreneur, organization itself and external environment including six factors: entrepreneur experience, social capital, the organization's business location, human resources, industry environment, and external support. The research has collected data from owners of small and medium-sized enterprises and individual economic households in Danang. The findings confirm that Entrepreneur experience, Social capital, the Organization's business location, along with External support are associated with the success of startups. The research also provides scientific, practical implications and policy recommendations for pre-startup period as well as business development.

**Key words** - startup; entrepreneurial success; entrepreneur; entrepreneurial organization; Da Nang.

Gartner [12], Ibrahim và Goodwin [13], Lumpkin và Dess [14] nghiên cứu về tác động gián tiếp và sự tương tác giữa các khía cạnh. Các yếu tố được quan sát theo chiều hướng tách biệt và tích hợp đã tạo nên bức tranh đa màu sắc và góp phần tạo nên một bộ khung nghiên cứu khoa học về vấn đề thành công của khởi nghiệp.

Mặc dù, có nhiều nghiên cứu xem xét ảnh hưởng của các yếu tố đến sự khởi nghiệp thành công, nhưng nghiên cứu về vấn đề này tại Việt Nam còn hạn chế, đặc biệt là tại Đà Nẵng. Trên cơ sở đó, mục tiêu chính của nghiên cứu là đánh giá tác động của các nhân tố trên cả ba khía cạnh cá nhân, tổ chức và môi trường bên ngoài đối với sự thành công của khởi nghiệp tại Đà Nẵng. Nghiên cứu sử dụng kiểm định giả thuyết với số liệu thu thập từ chủ sở hữu doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ kinh tế cá thể tại Đà Nẵng. Kết quả giúp các doanh nhân cải thiện việc điều hành khởi nghiệp và cơ sở tham khảo cho các nhà khoa học cũng như các nhà hoạch định chính sách trong lĩnh vực khởi nghiệp.

### 2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

#### 2.1. Cơ sở lý thuyết

##### 2.1.1. Khởi nghiệp

Dollinger [15] định nghĩa khởi nghiệp là việc tạo ra một tổ chức kinh tế sáng tạo (hay mạng lưới tổ chức) nhằm mục đích thu lợi hoặc tăng trưởng trong điều kiện rủi ro và không chắc chắn. Scarborough [16] cho rằng, khởi nghiệp là việc một doanh nhân tạo ra một doanh nghiệp mới trước những rủi ro và sự không chắc chắn nhằm mục đích đạt được lợi nhuận và tăng trưởng bằng cách xác định các cơ hội và tập hợp các nguồn lực cần thiết để tận dụng các cơ hội đó.

Khởi nghiệp là hiện tượng liên quan đến hành động gan dạ của con người nhằm theo đuổi việc tạo ra giá trị, thông

qua việc tạo ra hoặc mở rộng hoạt động kinh tế, bằng cách xác định và khai thác các sản phẩm, quy trình hoặc thị trường mới (Ahmad và Seymour [17]). Các định nghĩa đều đề cập đến sự không chắc chắn và các nguồn lực ngoài tầm kiểm soát, điều này mang lại khía cạnh rủi ro trong khái niệm khởi nghiệp.

### 2.1.2. Doanh nhân

Cantillon [18] khởi nguồn lý thuyết về doanh nhân là người chấp nhận rủi ro, mô tả doanh nhân là bất kỳ ai tự làm chủ; là người có tầm nhìn xa, sẵn sàng chấp nhận rủi ro và thực hiện các hành động cần thiết để kiếm lợi nhuận và góp phần vào sự cân bằng của nền kinh tế.

Mặc dù, các doanh nhân thường được xác định là những người đổi mới, nhưng điều quan trọng cần lưu ý là nhiều doanh nhân không phát minh ra các sản phẩm hoặc dịch vụ hoàn toàn mới. Nhiều doanh nhân chỉ đơn giản là kết hợp các ý tưởng và phát minh đã tồn tại để tạo ra một cái gì đó mới. Theo tác giả Đỗ Minh Cương [19] “Doanh nhân Việt Nam hiện nay là một cộng đồng xã hội gồm những người làm nghề kinh doanh, trước hết là bộ phận những người chủ sở hữu, lãnh đạo, quản lý, hoạt động nghiệp vụ kinh doanh (có mục tiêu vị lợi) của các hộ gia đình và doanh nghiệp”.

### 2.1.3. Sự thành công của khởi nghiệp

Các nhà nghiên cứu đã đưa ra các định nghĩa và tiêu chí khác nhau về kinh doanh thành công. Một trong số đó xác định thành công bằng các tiêu chí của kế toán dựa trên các phân tích và tỷ lệ tài chính (Emeric [8]). Tuy nhiên, nghiên cứu xác định thành công của một công ty khởi nghiệp dựa trên hiệu quả tài chính là vô cùng khó khăn. Bởi lẽ, các công ty này còn non trẻ nên thiếu thông tin lịch sử, chưa áp dụng phương pháp kế toán chuẩn hóa nên số liệu ghi nhận chưa phản ánh được thực tế nghiên cứu. Hơn nữa, việc đầu tư lớn vào giai đoạn khởi nghiệp khiến con số lợi nhuận gần như bằng không mặc dù doanh số của họ đang tăng (Brush và Vanderwerf [20]).

Một khái niệm khác ghi nhận hiệu suất kinh doanh thông qua các chỉ số phi tài chính. Chẳng hạn Zahra et al. [21] cho rằng, kết quả khởi nghiệp chính là việc học tập được công nghệ và tiếp thu kiến thức mới.

Khác với phân loại trên đây, một số lượng đáng kể các nghiên cứu trong lĩnh vực này đặt khái niệm thành công của doanh nhân ngang hàng với khái niệm sinh tồn (Bosma [22]; Vidyatmoko [23]), đó là trong khi sự mạo hiểm và đương đầu với thử thách giúp các công ty khởi nghiệp quyết định ở lại thị trường và có được lợi nhuận thì công ty bị thua lỗ từ bỏ hoạt động. Hơn nữa, đo lường sự sống còn của công ty thông qua tuổi thọ của nó rất dễ dàng để xác định.

Một thước đo khác phù hợp cho sự khởi nghiệp thành công chính là sự hài lòng của các chủ doanh nghiệp, các cổ đông. Cách đo lường này bao gồm 4 quan sát và thể hiện mức chấp nhận thành công so với kỳ vọng khởi nghiệp lúc ban đầu (Lumpkin và Dess [14]; Emeric [8]).

Do đó, có thể kết luận rằng thành công có bản chất đa chiều và không có mẫu số chung cho việc đo lường thành công tồn tại. Tùy thuộc vào nền tảng nghiên cứu và mục đích nghiên cứu, các yếu tố quyết định thành công sẽ khác nhau.

## 2.2. Giả thiết nghiên cứu

### 2.2.1. Kinh nghiệm người khởi nghiệp

Schuller [24] cho rằng, đặc điểm của người khởi nghiệp tập trung vào hành vi kinh tế của các cá nhân, đặc biệt là cách tích lũy kiến thức và kỹ năng của họ cho phép họ tăng năng suất và thu nhập. Ruiter [25] cho rằng, kinh nghiệm khởi nghiệp trước đây, kinh nghiệm quản trị, trình độ học vấn cao và kỹ năng kinh doanh bên ngoài tương quan với sự thành công của thành công khởi nghiệp. Việc quản trị khởi nghiệp trong những nền kinh tế mới nổi đòi hỏi việc ứng dụng kiến thức đã học trong điều kiện quá khứ vào những vấn đề mới nhưng mơ hồ.

Bosma [22] và Toganel [26] cho rằng, cá nhân khởi nghiệp có kinh nghiệm trong cùng lĩnh vực với doanh nghiệp mới thành lập sẽ làm tăng xác suất thành công trong việc kiếm lợi nhuận và sống sót. Mylona [10] nhấn mạnh kinh nghiệm quản lý trước đây và khả năng giải quyết vấn đề ảnh hưởng đến thành công của khởi nghiệp. Do đó, tác giả cho rằng:

**H1.** Nhân tố kinh nghiệm người khởi nghiệp ảnh hưởng tích cực đến sự thành công của khởi nghiệp

### 2.2.2. Nguồn vốn mới quan hệ xã hội

Theo Fuchs [27] và Bosma [22], nguồn vốn xã hội với các công ty cùng mạng lưới giúp công ty tăng trưởng hiệu quả. Các công ty tăng trưởng cao nhất cũng có xu hướng liên kết cao với các công ty và tổ chức khác, trong một số trường hợp thông qua chuỗi cung ứng, trong các trường hợp khác thông qua các liên minh chiến lược chính thức hoặc không chính thức.

Nguồn vốn xã hội có vai trò quan trọng ở 02 giai đoạn trong tổng thể 04 giai đoạn của khởi nghiệp, theo Roomi [28]. Mạng lưới kết nối hỗn hợp là cần thiết vì các cố vấn của giúp họ cùng cố các nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh và đưa công ty của họ vào giai đoạn thứ tư (giai đoạn cất cánh). Vì vậy, tác giả kỳ vọng rằng:

**H2.** Nhân tố nguồn vốn mới quan hệ xã hội ảnh hưởng tích cực đến sự thành công của khởi nghiệp

### 2.2.3. Vị trí

Các doanh nghiệp được tọa lạc ở những vị trí thuận lợi cho giao dịch với khách hàng và tiếp cận các nguồn đầu tư, nguồn nguyên liệu sẽ giảm thiểu chi phí quản lý, nên ảnh hưởng đến sự thành công của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, khi doanh nghiệp có trụ sở công ty tại khu công nghiệp hoặc khu phố thương mại, doanh nghiệp vừa tận dụng được lợi thế cạnh tranh vừa tiếp cận nhà cung ứng và học hỏi từ các đối tác trong ngành (Audretsch [29]). Vì vậy, tác giả cho rằng:

**H3.** Nhân tố vị trí có ảnh hưởng tích cực đến sự thành công của khởi nghiệp

### 2.2.4. Nguồn nhân lực

Theo Chandler và Hanks [30], nhân viên có vốn nhân lực cao tạo điều kiện cho sự phát triển của công ty bằng cách cho phép nhà quản lý thực hiện các mục tiêu tăng trưởng của họ.

Tư duy kinh doanh không còn là tài sản độc quyền của chủ doanh nghiệp. Almeida và Kogut [31] cho thấy, việc

luân chuyển nhân viên giữa các công ty là một cơ chế chính tạo điều kiện cho sự lan tỏa kiến thức giữa các công ty đó trong một khu vực nhất định. Tương tự, Lee [32] nhận thấy rằng, việc học tập là hiệu quả, vì kiến thức ngầm được truyền đạt và chia sẻ khi nhân viên chuyên nghiệp chuyển từ công ty này sang công ty khác. Do đó, sự thành công của khởi nghiệp sẽ xem xét tác động của nhân tố nguồn lực. Vì vậy, tác giả đề xuất rằng:

**H4.** Nhân tố nguồn nhân lực có ảnh hưởng tích cực đến sự thành công của khởi nghiệp

#### 2.2.5. Môi trường kinh doanh

Để tồn tại và phát triển, các công ty khởi nghiệp luôn phải nắm bắt xu hướng và cập nhật kịp thời để có chỗ đứng vững chắc. Môi trường ngành vừa là nơi lý tưởng để doanh nghiệp học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, vừa là động lực thúc đẩy doanh nghiệp đi lên. Xem xét sự tác động từ các đối tượng như khách hàng, đối thủ và chính bên trong doanh nghiệp, Emeric [8] đã cho thấy tác động đáng kể của môi trường ngành kinh doanh đối với công ty khởi nghiệp.

Đặc điểm của ngành công nghệ tại Thụy Sĩ ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng của khởi nghiệp (Fuchs [27]). Những doanh nghiệp phản ứng linh hoạt với tác động của ngành sẽ gia tăng cơ hội đứng vững và phát triển hơn. Vì thế, tác giả kỳ vọng rằng:

**H5.** Môi trường ngành kinh doanh có ảnh hưởng đến sự thành công của khởi nghiệp.

#### 2.2.6. Sự hỗ trợ từ bên ngoài

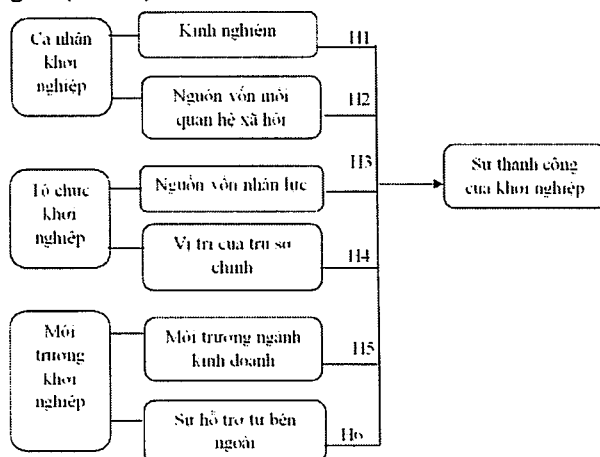
Sự hỗ trợ từ bên ngoài được nhận thấy có ảnh hưởng gián tiếp đến sự thành công của khởi nghiệp Vidyatmoko và Hastuti [23]. Nghiên cứu đã sử dụng nhóm hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài bao gồm hỗ trợ cho vay/ tài trợ về tài chính, vườn ươm. Mặt khác, chất lượng của hành chính công được phát hiện là một thành tố tạo nên sự thành công cho khởi nghiệp tại châu Phi (Kiggundu [33]). Hơn nữa, các giá trị xã hội /văn hóa hoặc thái độ của khách hàng mục tiêu sẽ tạo tiền đề thích hợp để các công ty khởi nghiệp phát triển. Nghiên cứu sự thành công khởi nghiệp tại Việt Nam, Phạm Thị Thu Giang [11] có xét đến sự tác động của những yếu tố bên ngoài như pháp luật, nền kinh tế và môi trường. Vì thế, tác giả đề xuất:

**H6.** Nhân tố sự hỗ trợ từ bên ngoài có ảnh hưởng đến sự thành công của khởi nghiệp

#### 2.2.7. Đặc điểm nhân khẩu học

Yếu tố nhân khẩu ảnh hưởng lớn đến ý định cũng như kết quả của hoạt động khởi nghiệp. Một số nghiên cứu đã chứng minh rằng giới tính, tuổi tác, tình trạng hôn nhân, hoàn cảnh gia đình và trình độ chuyên môn, học vấn có tác động lớn đến ý định khởi nghiệp cũng như sự thành công của doanh chủ (Mylona [10]; Lee [32]; Gerba [34]; Wu và cộng sự [35]). Nam giới được ghi nhận là dễ khởi nghiệp cũng như thành công hơn nữ giới (Wu và cộng sự [35]). Hơn nữa, các cá nhân tham gia các khóa đào tạo khởi nghiệp, có trình độ học vấn cao sẽ dễ dàng khởi nghiệp và thành công (Gerba [34]). Vì thế tác giả cho rằng, sự khác biệt về độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn và tình trạng hôn nhân có ảnh hưởng đến sự thành công của khởi nghiệp

Dựa vào mối quan hệ giữa các nhân tố, nghiên cứu đã đề xuất mô hình nghiên cứu thể hiện chiều hướng tác động ở trên ba khía cạnh: cá nhân, tổ chức và môi trường bên ngoài (Hình 1).



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

### 3. Kết quả nghiên cứu và khảo sát

#### 3.1. Thu thập thông tin, thang đo và mẫu khảo sát

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát để thu thập dữ liệu. Nhóm tác giả tham khảo ý kiến người sáng lập của 115 hộ kinh doanh cá thể và 42 doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert năm mức độ cho tất cả các biến. Thang đo được cụ thể ở bảng sau:

Bảng 1. Thang đo các nhân tố của nghiên cứu

Nhân tố	Số quan sát	Nguồn thang đo
Kinh nghiệm	4	Foss [36], Georgia Mylona [10], Zhou [9]
Vốn môi trường quan hệ	5	Matsuda và Matsuo [37], Scheela và Trần [38]
Vị trí	2	Audretsch [29]
Nguồn nhân lực	3	Leonora [39]
Môi trường ngành	4	Emeric [8]
Hỗ trợ bên ngoài	5	Georgia Mylona [10]
Thành công	4	Emeric [8], Lumpkin và Dess [14]

Nguồn: Xử lý số liệu của tác giả

Tác giả đã gửi 200 phiếu khảo sát đến 115 hộ kinh doanh cá thể và 42 doanh nghiệp vừa và nhỏ để thu thập thông tin. Sau khi loại bỏ các phiếu không hợp lệ do người được khảo sát để trống câu trả lời quá nhiều, số lượng phiếu đưa vào phân tích là 157, chiếm tỉ lệ 78,5%. Về độ tuổi, các mẫu điều tra có sự phân chia không đồng đều giữa các nhóm tuổi, người được khảo sát tập trung cao nhất ở nhóm từ 35 đến 44 tuổi chiếm 63,7% và thấp nhất là nhóm người trên 55 tuổi chiếm 1,3%. Giới tính nam chiếm 60,5%, giới tính nữ chiếm 39,5%. Về tình trạng hôn nhân, người được khảo sát chủ yếu đã có gia đình chiếm 69,4% và độc thân chiếm 30,6%. Phần lớn người trả lời có trình độ học vấn Cao đẳng/ Trung cấp nghề, chiếm tỉ lệ 51,6%. Ngược lại, chiếm tỉ lệ thấp nhất ở mức 5,1% là những doanh nhân chưa tốt nghiệp trung học phổ thông.

### 3.2. Kiểm định thang đo

Mô hình nghiên cứu ban đầu gồm 6 nhóm nhân tố với 23 yếu tố kỳ vọng sẽ ảnh hưởng đến sự thành công của khởi nghiệp. Nghiên cứu loại 1 biến quan sát cho nhân tố mỗi quan hệ do hệ số tương quan biến tổng <0,3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của khởi nghiệp đạt yêu cầu (>0,5). Hệ số Cronbach's Alpha nằm trong khoảng từ 0,6 đến 0,9 đạt yêu cầu (Nunnally & Burnstein [38]). Phép quay Varimax cho thấy, đa phần hệ số tải của các quan sát lên các nhân tố đều đạt yêu cầu. Kết quả phân tích EFA trích ra 6 nhân tố độc lập và 1 nhân tố phụ thuộc với tổng phương sai trích và hệ số KMO lần lượt là 67,01% và 53,94%; 0,851 và 0,714 (Bảng 2). Như vậy, sau khi phân tích nhân tố EFA ta thấy rằng mô hình lý thuyết ban đầu đề ra phù hợp với nghiên cứu. Các biến độc lập và biến phụ thuộc đã đạt được độ tin cậy và tính giá trị để sử dụng cho các phân tích tiếp theo.

**Bảng 2.** Kết quả phân tích sự phù hợp của mô hình

Khái niệm	Số biến còn lại	Cronbach's alpha	Hệ số tải
Kinh nghiệm	4	0,846	0,73-0,82
Vốn mỗi quan hệ	4	0,805	0,71-0,73
Vị trí	2	0,665	0,77-0,82
Nguồn nhân lực	3	0,777	0,75-0,84
Môi trường ngành	4	0,783	0,62-0,79
Hỗ trợ bên ngoài	5	0,784	0,55-0,73
Thành công	4	0,699	0,74-0,82

Nguồn: Xử lý số liệu của tác giả

### 4. Kết quả nghiên cứu

Phân tích hồi quy đa biến được thực hiện để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu, xác định các nhân tố tác động đến sự thành công của khởi nghiệp. Nghiên cứu sử dụng phương pháp enter bằng phần mềm SPSS 22. Bảng 3 thể hiện kết quả của mô hình hồi quy và kiểm định sự khác biệt. Kết quả mô hình phản ánh độ tương thích của dữ liệu và mô hình có ý nghĩa thống kê. Chỉ số R2 hiệu chỉnh (0,55) đảm bảo độ tin cậy vì nằm trong khoảng chấp nhận. Kết quả phân tích hồi quy 4 trong 6 giả thuyết trong mô hình. Kinh nghiệm người khởi nghiệp; vốn mỗi quan hệ xã hội; vị trí công ty và sự hỗ trợ từ bên ngoài là những yếu tố then chốt tạo nên sự thành công của khởi nghiệp trong bối cảnh Việt Nam.

**Bảng 3.** Kết quả phân tích sự phù hợp của mô hình

Giả thuyết	Hệ số	Hệ số chuẩn hóa	Kết luận
H1	0,119	0,159**	Chấp nhận
H2	0,515	0,560***	Chấp nhận
H3	0,103	0,157***	Chấp nhận
H4	0,064	0,079	Bác bỏ
H5	-0,252	-0,288	Bác bỏ
H6	0,326	0,354***	Chấp nhận

Ghi chú: \*\*\*  $p < 0.01$ , \*\*  $p < 0.05$ , \*  $p < 0.1$

Nguồn: Xử lý số liệu của tác giả

Sự thành công của khởi nghiệp chịu tác động của nhiều nhân tố chủ yếu từ môi trường xã hội và sự hỗ trợ từ bên

ngoài đi kèm với kinh nghiệm và vị trí trụ sở. Trong bối cảnh văn hóa Việt Nam thì việc khởi nghiệp và kinh doanh cần mối quan hệ xã hội, sự giao tiếp rộng cộng thêm chính sách hỗ trợ từ bên ngoài. Điều này khẳng định các chính sách khuyến khích khởi nghiệp ở Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng là đúng hướng và thích hợp. Hơn nữa, doanh chủ cần trang bị cho mình kiến thức về kinh doanh, khởi nghiệp để có thể chèo lái công ty. Vị trí trụ sở ảnh hưởng lớn đến sự thành công trong điều kiện về mật độ tập trung dân cư ở thành thị cũng như việc đóng chân trên địa bàn của cộng đồng doanh nghiệp khác. Vì thế, nghiên cứu đã ghi nhận ảnh hưởng của các nhân tố trên cả ba khía cạnh cá nhân, tổ chức và môi trường đến sự thành công của khởi nghiệp, cụ thể yếu tố kinh nghiệm và vốn quan hệ thuộc yếu tố cá nhân, yếu tố vị trí nằm ở khía cạnh tổ chức và sự hỗ trợ bên ngoài thuộc về môi trường.

Mặt khác, hai nhân tố Môi trường ngành kinh doanh và Nguồn nhân lực được ghi nhận không có ảnh hưởng đến sự khởi nghiệp thành công. Kết quả này cần được thực hiện kiểm định sâu hơn trong các nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực khởi nghiệp.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích ANOVA một nhân tố với biến độc lập bao gồm độ tuổi, trình độ học vấn, giới tính và tình trạng hôn nhân, biến phụ thuộc là sự thành công của khởi nghiệp (Bảng 4). Kết quả cho thấy, không có sự khác biệt giữa các nhóm đối với sự thành công của khởi nghiệp khi bàn về độ tuổi, giới tính và tình trạng hôn nhân. Tuy nhiên, những nhân viên có trình độ học vấn cao hơn có khả năng khởi nghiệp thành công hơn. Điều này có thể là do họ được trang bị kiến thức nền, nội dung đào tạo về kinh doanh và các khóa học liên quan ở trình độ học vấn cao hơn giúp họ dễ nắm bắt cơ hội và có khả năng quản lý, điều hành doanh nghiệp tốt hơn.

**Bảng 4.** Kết quả phân tích ANOVA

STT	Nội dung	Sig.	Kết luận
1	Sự khác biệt về độ tuổi có ảnh hưởng đến sự thành công của khởi nghiệp	0,023	Bác bỏ
2	Sự khác biệt về giới tính có ảnh hưởng đến sự thành công của khởi nghiệp	0,023	Bác bỏ
3	Sự khác biệt về trình độ học vấn có ảnh hưởng đến sự thành công của khởi nghiệp	0,483	Chấp nhận
4	Sự khác biệt về tình trạng hôn nhân có ảnh hưởng đến sự thành công của khởi nghiệp	0,000	Bác bỏ

Nguồn: Xử lý số liệu của tác giả

### 5. Bàn luận

Kết quả khảo sát thu thập được phần lớn doanh nhân là nam đã phản ánh đúng với nhu cầu thành công và gây dựng sự nghiệp. Mặt khác, những người thành công trong khởi nghiệp đã kết hôn và nằm trong khoảng tuổi từ 31 tuổi đến 40 tuổi.

Các doanh nhân được ghi nhận đã khởi nghiệp thành công khi có kinh nghiệm về ngành kinh doanh và kỹ năng kinh doanh trước đó. Nguồn vốn mỗi quan hệ xã hội được

ghi nhận có ảnh hưởng lớn nhất đối với sự thành công của khởi nghiệp vì doanh nhân sẽ hưởng lợi trong kinh doanh nhờ khai thác tốt những mối quan hệ này. Nghiên cứu đã ủng hộ cho quan điểm tận dụng vị trí kinh doanh để tự học tập và tiếp cận những công nghệ mới với các đối thủ cùng khu vực. Sự hỗ trợ về kỹ năng và kiến thức khởi nghiệp từ vườn ươm khởi nghiệp và chương trình đào tạo, về tài chính từ các định chế tài chính, về thủ tục từ cơ quan hành chính và kinh nghiệm từ hiệp hội kinh doanh sẽ là hành trang tốt cho các công ty khởi nghiệp phát triển. Mặt khác, các công cụ tài chính ưu đãi là tối cần thiết cho doanh nghiệp, đặc biệt là những ngày đầu khởi nghiệp.

Kết quả về thống kê giới tính trong nghiên cứu này là dấu hiệu đáng mừng về sự bình đẳng trong nhận thức về giới tại khu vực nghiên cứu, bác bỏ định kiến về giới tính trong kinh doanh từ trước đến nay trong xã hội. Ở bất kỳ độ tuổi nào cũng có thể khởi nghiệp và thành công chính là kết luận được nhận thấy từ nghiên cứu này. Bởi lẽ, ở mỗi độ tuổi sẽ có những lợi thế nhất định cho kinh doanh. Với kiến thức cá nhân và tính cách quyết đoán, nhiều doanh nhân đã quyết liệt thực hiện kế hoạch đề ra mà bỏ qua việc tìm kiếm sự đồng tình từ vợ/chồng. Do đó, tình trạng hôn nhân được phát hiện không có ảnh hưởng đến sự thành công của khởi nghiệp. Những ảnh hưởng tích cực của trình độ học vấn đối với sự khởi nghiệp thành công đã mang lại những phát hiện lý thú về thực tiễn. Đó là việc học tập và nâng cao trình độ sẽ tạo nền tảng vững chắc cho doanh nhân khởi nghiệp ứng phó với thách thức.

Nghiên cứu khởi nghiệp theo hướng tiếp cận từ khảo sát từ nhân viên, đối tác, các chuyên gia kinh tế có thể đem lại một góc nhìn chi tiết và chuyên sâu hơn. Các nhà khoa học có thể áp dụng kết quả mô hình này kiểm định với các vùng kinh tế khác hoặc trong cách phân loại theo quy mô doanh nghiệp.

Để khởi nghiệp thành công cần sự đồng hành từ ý tưởng mô hình trước khởi nghiệp và quá trình hoạt động của khởi nghiệp. Do đó nghiên cứu đưa ra đề xuất theo hai giai đoạn là trước và trong khởi nghiệp. Giai đoạn trước khởi nghiệp nên thực hiện việc Khuyến khích từ cộng đồng xã hội và gia đình cao hơn để nữ giới chủ động khởi nghiệp kinh doanh; Giảng dạy kinh tế và khởi nghiệp cho thế hệ Y & Z; Nâng cao trình độ học vấn để có nền tảng kiến thức tốt; Tích lũy và phát triển mối quan hệ xã hội chất lượng; Trải nghiệm công việc thực tế để tích lũy kinh nghiệm; Phân tích thị trường và lựa chọn vị trí kinh doanh phù hợp khi có ý định khởi nghiệp; Phân tích thị trường và lựa chọn vị trí kinh doanh phù hợp khi có ý định khởi nghiệp; Chính phủ tạo điều kiện để vườn ươm, quỹ đầu tư mạo hiểm và các nhà đầu tư chủ động tham gia vào khởi nghiệp; Doanh nhân chủ động tìm nguồn vốn từ các nhà đầu tư. Giai đoạn trong khởi nghiệp, thế hệ “Baby Boomer” nên tận dụng kinh nghiệm để làm chuyên gia tư vấn hoặc chính là người sáng lập các công ty khởi nghiệp thành công; Kết hợp vừa học vừa làm qua nhiều kênh cả về kiến thức và kinh nghiệm kinh doanh; Phát triển mối quan hệ xã hội chất lượng; Trau dồi kinh nghiệm bản thân và tham khảo ý kiến chuyên gia; Phân bổ thời gian phù hợp cho người thân; Học hỏi đối thủ và khai thác lợi ích từ vị trí mang lại; Tiết kiệm chi phí là một vấn đề cần thiết trong quản lý tổ chức; Tổ chức quản trị nguồn nhân lực hiệu quả.

## 6. Kết luận

Nghiên cứu đã đi sâu phân tích ba khía cạnh của công ty khởi nghiệp: cá nhân, tổ chức và môi trường. Kết quả đã cho thấy, những tác động khác nhau của mỗi khía cạnh đến sự thành công của khởi nghiệp. Hai nhân tố thuộc khía cạnh cá nhân có tác động lớn đến sự thành công của khởi nghiệp bao gồm *Kinh nghiệm* và *Nguồn vốn mối quan hệ xã hội*. Về khía cạnh tổ chức, nhân tố *Vị trí* được ghi nhận có ảnh hưởng đến sự khởi nghiệp thành công trong khi *Nguồn nhân lực* không có ý nghĩa đối với sự thành công khởi nghiệp. Tương tự, nhân tố *Sự hỗ trợ từ bên ngoài* có tác động đến sự khởi nghiệp thành công nhưng *Môi trường ngành* không hề ảnh hưởng biến sự thành công khởi nghiệp. Hơn nữa, các nhân tố này đều có tác động tích cực đến sự khởi nghiệp thành công và theo mức độ giảm dần từ *Nguồn vốn mối quan hệ xã hội*, *Sự hỗ trợ bên ngoài*, *Kinh nghiệm* đến *Vị trí*.

Sự khác biệt về trình độ học vấn của doanh chủ có tác động đến sự khởi nghiệp thành công. Tuy nhiên, tuổi tác, giới tính, tình trạng hôn nhân không ảnh hưởng đến sự thành công của khởi nghiệp. Hơn nữa, thang đo cho *Nguồn vốn mối quan hệ xã hội* đã được điều chỉnh sau nghiên cứu này khi chỉ còn bốn quan sát so với ban đầu và kết quả là “mối quan hệ với các đối tác trong ngành” chưa có ảnh hưởng nhiều đến sự thành công của khởi nghiệp. Trong khi đó, các biến *Hỗ trợ bên ngoài* với năm quan sát, biến *Kinh nghiệm* với bốn quan sát và biến *Vị trí* với hai quan sát được nhận thấy phù hợp cho mô hình trong nghiên cứu này. Mặt khác, biến phụ thuộc *Thành công* được xem xét phù hợp trong nghiên cứu với bốn quan sát.

Nghiên cứu này thống nhất quan điểm với nhiều nghiên cứu trước đây về sự ảnh hưởng đáng kể của biến *Kinh nghiệm* người khởi nghiệp, biến *Nguồn vốn mối quan hệ xã hội*, *Vị trí* của công ty, *Sự hỗ trợ từ bên ngoài* (Bosma [22]; Ruiter [25]; Fuchs [27]; Audretsch [29]). Mặt khác, kết quả nghiên cứu lại khác biệt đáng kể so với các nghiên cứu trước về tác động của yếu tố *Nguồn vốn nhân lực*, *Môi trường ngành kinh doanh* đến kết quả hoạt động khởi nghiệp. Trình độ và quá trình tham gia học tập về khởi nghiệp ảnh hưởng tích cực đến sự thành công của doanh chủ. Nghiên cứu chưa phát hiện được tác động của các yếu tố nhân khẩu học đến sự thành công của khởi nghiệp ở phạm vi Đà Nẵng. Điều này gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo nhằm kiểm chứng nội hàm này ở khu vực và lĩnh vực nghiên cứu khác.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quốc Hội. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, 2017.
- [2] Chính Phủ. Nghị định 39/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, 2018.
- [3] Tổng cục thống kê. (2018), Tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2017 [Online], <http://tapchitaichinh.vn/bao-cao-va-thong-ke-tai-chinh/tinh-hinh-dang-ky-doanh-nghiep-nam-2017-134246.html>.
- [4] Baran W., Personality Traits of an Entrepreneur, Determinants of Successful Microenterprise in Ireland, National College of Ireland, 2018.
- [5] Sarwoko E., Surachman A., và Hadiwidjojo D., “Entrepreneurial characteristics and competency as determinants of business performance in SMEs”, *IOSR Journal of Business and Management*, 7(3), 2013, 31–38.
- [6] Mook Y.H., Determinants of entrepreneurial success among women entrepreneurs in Kota Kinabalu, Sabah, 2016.

- [7] Tanveer M.A., Akbar A., Gill H. và cộng sự, "Role of personal level determinants in entrepreneurial firm's success", *Journal of Basic and Applied Scientific Research*, 3(1), 2013, 449-458.
- [8] Emeric Solymosy, *Entrepreneurial dimensions: The relationship of individual, venture, and environmental factors to success*, Case Western Reserve University, 1998.
- [9] Zhou H. và de Wit G., "Determinants and Dimensions of Firm Growth", *SSRN Scholarly Paper, Social Science Research Network, Rochester, NY*, 2009.
- [10] Mylona G., *Critical success factors that affect new venture creation*, International Hellenic University, 2013.
- [11] Giang P.T.T., *Factors leading to Success of Vietnamese Food Search Engine Startup-Case of Lozi.vn*, Ritsumeikan Asia Pacific University, 2017.
- [12] Gartner W.B., "A conceptual framework for describing the phenomenon of new venture creation", *Academy of management review*, 10(4), 1985, 696-706.
- [13] Ibrahim A.B. và Goodwin J.R., "Perceived causes of success in small business", *American journal of small business*, 11(2), 1986, 41-50.
- [14] Lumpkin G.T. và Dess G.G., "Clarifying the Entrepreneurial Orientation Construct and Linking It to Performance", *The Academy of Management Review*, 21(1), 1996, 135-172.
- [15] Dollinger S.M.C., "Identity styles and the five-factor model of personality", *Journal of Research in Personality*, 29(4), 1995, 475-479.
- [16] Scarborough, N.M, *Effective Small Business Management: An Entrepreneurial Approach*, Prentice Hall, 2012.
- [17] Ahmad N. và Seymour R, "Defining Entrepreneurial Activity: Definitions Supporting Frameworks for Data Collection", *SSRN Journal*, 2008.
- [18] Cantillon, Richard, *Essay on the Nature of Commerce in General*, N.J.: Transactions Publishers, 2001.
- [19] Đỗ Minh Cường, "Bàn về khái niệm doanh nhân Việt Nam", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN. Kinh tế và Kinh doanh*, 25, 2009, 253-261.
- [20] Brush C.G. và Vanderwerf P.A., "A comparison of methods and sources for obtaining estimates of new venture performance", *Journal of Business venturing*, 7(2), 1992, 157-170.
- [21] Zahra S.A. và Bogner W.C., "Technology strategy and software new ventures' performance: Exploring the moderating effect of the competitive environment", *Journal of Business Venturing*, 15(2), 2000, 135-173.
- [22] Bosma N., Van Praag M., và De Wit G., *Determinants of successful entrepreneurship*. EIM Zoetermeer, 2000.
- [23] Vidyatmoko D. và Hastuti P., "Identification of The Determinants of Entrepreneurial Success: A Multidimensional Framework", *STI Policy and Management Journal*, 2, 2017, 163.
- [24] Schuller T., "The Complementary Roles of Human and Social Capital", *Canadian Journal of Policy Research*, 2, 2001.
- [25] Bryan Ruiters, *The quantification of start-up performance*, University of Twente, 2015.
- [26] Toganel A.-R.-M. và Zhu M., *Success factors of accelerator backed ventures: Insights from the case of TechStars Accelerator Program*, Jonkoping University, 2017.
- [27] Fuchs T., *Investigation of factors, which influence the likelihood of fast growth in Swiss technology start-ups*, Lucerne University, 2013.
- [28] Roomi M.A., "Impact of social capital development and use in the growth process of women-owned firms", *Journal of Enterprising Culture*, 17, 2009, 473-495.
- [29] David B. Audretsch, *Determinants of High-Growth Entrepreneurship, Report prepared for the OECD/DBA International Workshop on - High-growth firms: local policies and local determinants*, University of Indiana, 2012.
- [30] Chandler, G.N. và Hanks, S. H., "Founder competence, the environment, and venture performance. Entrepreneurship theory and practice", 18(3), 1994, 77-89.
- [31] Almeida, P. và Kogut, B., "Localization of knowledge and the mobility of engineers in regional networks", *Management science*, 45(7), 1999, 905-917.
- [32] Lee, C.H., *Critical Success Factors for Entrepreneurs*, Tunku Abdul Rahman University, 2016.
- [33] Kiggundu M.N., "Entrepreneurs and entrepreneurship in Africa: What is known and what needs to be done", *Journal of Developmental Entrepreneurship*, 7, 2002, 239-258.
- [34] Gerba, D. T. Impact of entrepreneurship education on entrepreneurial intentions of business and engineering students in Ethiopia. *African Journal of Economic and Management Studies*, 3(3), 2012, 258-277.
- [35] Wu, W., Wang, H., Zheng, C., & Wu, Y. J. Effect of narcissism, psychopathy, and machiavellianism on entrepreneurial intention-the mediating of entrepreneurial self-efficacy. *Frontiers in psychology*, 2019, 10:360.
- [36] Foss L., *Entrepreneurship: The impact of human capital, a social network and business resources on start-up*, The Norwegian School of Economics and Business Administration, 1994.
- [37] Matsuda N. và Matsuo Y., *Empirical Analysis on Factors Behind Successful Entrepreneurs*, *Research Institute of Economy, Trade and Industry (RIETI)*, 2014.
- [38] Scheela W. và Tran V.H., "Women entrepreneurs in a transition economy: The case of Vietnam", *International Journal of Management and Decision Making*, 5, 2004, 1-20.
- [39] Leonora C. Hamilton Coplin, *Competitive advantages and the SMEs: The role of distinctive competences as determinants of success*, are there differences across gender, sector, and size, Universitat Autònoma de Barcelona, 2002.
- [40] Nunnally, J. C., và Bernstein, I. H, *Psychometric theory* (3rd ed.), New York: McGraw-Hill, 1994.

(BBT nhận bài: 20/7/2020, hoàn tất thủ tục phản biện: 25/8/2020)